

B NG ã I M H C PH N - MĐN TH Ì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36CXD7 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122067200806 - V k thu t x^a y d ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M TH Ì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031456	36CXD7	Nguy n T n Anh	10/10/1994				8.9			8.9	2.7	7.8	5.5	8.1	
2	3671031305	36CXD7	Nguy n VÑh B o	19/05/1994				3.7			3.7	1.1	4.4	3.1	4.2	
3	3671031458	36CXD7	Nguy n VÑh B ình	04/01/1994				9.4			9.4	2.8	7.9	5.5	8.4	
4	3671031512	36CXD7	Nguy n Quang C òng	16/09/1989				2.4			2.4	0.7	6.5	4.6	5.3	
5	3671031584	36CXD7	ñ Thanh C	31/05/1994				2.6			2.6	0.8	7.0	4.9	5.7	
6	3671031454	36CXD7	Tr n Quang Chung	30/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
7	3671031591	36CXD7	Nguy n B ình Danh	16/04/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
8	3671031489	36CXD7	ñ i p VÑh Duy	05/10/1993				4.5			4.5	1.4	7.6	5.3	6.7	
9	3671031295	36CXD7	Bá Quang ã òng	04/03/1993				7.4			7.4	2.2	7.0	4.9	7.1	
10	3671031523	36CXD7	L ² VÑh ã	20/11/1994				4.6			4.6	1.4	4.2	2.9	4.3	
11	3671031301	36CXD7	Ho òng VÑh ã c	21/09/1994				5.5			5.5	1.7	6.3	4.4	6.1	
12	3671031549	36CXD7	Nguy n ã Ñh g H i	12/03/1993				4.0			4.0	1.2	4.7	3.3	4.5	
13	3671031514	36CXD7	Nguy n VÑh H i	02/06/1994				9.9			9.9	3.0	8.7	6.1	9.1	
14	3671031488	36CXD7	L ² VÑh H u	06/04/1993				7.4			7.4	2.2	6.9	4.8	7.1	
15	3671031550	36CXD7	Nguy n C òng Hi u	12/09/1994				7.2			7.2	2.2	6.1	4.3	6.4	
16	3671031552	36CXD7	Tr n Minh Hi u	13/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
17	3671031575	36CXD7	Hu ình Quang Hi p	02/10/1994				0.0			0.0	0.0	6.4	4.5	4.5	
18	3671031287	36CXD7	Nguy n Nh t Huy	09/11/1994				6.7			6.7	2.0	6.7	4.7	6.7	
19	3671031476	36CXD7	ñ T n Khang	11/02/1994				9.2			9.2	2.8	9.5	6.7	9.4	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD7 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067200806 - V k thu t x ấ y d ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031505	36CXD7	Vồ Bách	Khoa	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
21	3671031279	36CXD7	Tr n Ng c Duy	Kh ng	09/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
22	3671031567	36CXD7	Nguy n Th	L c	26/06/1994				8.9			8.9	2.7	9.5	6.7	9.3	
23	3671031544	36CXD7	Nguy n V ng	L c	03/06/1994				6.8			6.8	2.0	6.7	4.7	6.7	
24	3671031563	36CXD7	Nguy n Th ấ	Luân	06/01/1994				5.2			5.2	1.6	3.9	2.7	4.3	
25	3671031557	36CXD7	Phan T n	M nh	14/04/1994				0.0			0.0	0.0	6.7	4.7	4.7	
26	3671031553	36CXD7	Vồ Hùng	M nh	03/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
27	3671031510	36CXD7	L 2 V ấ	Mu ng	22/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
28	3671031478	36CXD7	Ph m V ấ	Ngh ấ	22/06/1992				7.5			7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
29	3671031559	36CXD7	Tr ng Th Kim	Nguy t	09/04/1994				8.6			8.6	2.6	6.1	4.3	6.9	
30	3671031290	36CXD7	Tr n Anh	Nh t	04/11/1993				8.1			8.1	2.4	6.8	4.8	7.2	
31	3671031543	36CXD7	Nguy n T ấ	Phát	07/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
32	3671031513	36CXD7	Nguy n Th ấ	Phong	04/10/1994				6.0			6.0	1.8	8.1	5.7	7.5	
33	3671031273	36CXD7	Phan Thanh	Phúc	01/09/1994				9.4			9.4	2.8	8.1	5.7	8.5	
34	3671031497	36CXD7	T Anh	Ph ng	22/05/1994				6.7			6.7	2.0	7.0	4.9	6.9	
35	3671031471	36CXD7	B ấ i V ấ	Quang	06/10/1993				3.3			3.3	1.0	3.8	2.7	3.7	
36	3671031464	36CXD7	L 2 Nh c Vi	Quân	11/04/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
37	3671031278	36CXD7	Lê Phát	Sang	13/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
38	3671031291	36CXD7	Nguy n Thanh	Sang	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD7 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067200806 - V k thu t x ấ y d ng H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031468	36CXD7	Nguy n ấ nh S n	18/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
40	3671031495	36CXD7	Nguy n Vi t S n	26/06/1993				6.6			6.6	2.0	5.9	4.1	6.1	
41	3671031492	36CXD7	Tr n B ấ nh Tâm	02/09/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
42	3671031469	36CXD7	L ² Nh t Tân	13/07/1994				8.1			8.1	2.4	8.1	5.7	8.1	
43	3671031538	36CXD7	L ² ấ c T n	05/10/1994				2.1			2.1	0.6	6.7	4.7	5.3	
44	3671031590	36CXD7	Tr n Vi t Tỉ n	15/09/1994				7.5			7.5	2.3	7.9	5.5	7.8	
45	3671031280	36CXD7	ấ V ấ Nh To ấ n	05/12/1994				8.7			8.7	2.6	7.5	5.3	7.9	
46	3671031484	36CXD7	Nguy n H u Tu n	27/09/1994				4.2			4.2	1.3	6.9	4.8	6.1	
47	3671031504	36CXD7	Ph m ấ nh Tu n	19/04/1994				8.2			8.2	2.5	6.5	4.6	7.0	
48	3671031282	36CXD7	Nguy n V ấ Nh T ấ ng	29/11/1993				8.9			8.9	2.7	8.5	6.0	8.6	
49	3671031526	36CXD7	Nguy n B ấ nh Tri u	13/07/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
50	3671031466	36CXD7	Nguy n ấ c Tr ng	17/10/1993				6.6			6.6	2.0	5.1	3.6	5.6	
51	3671031498	36CXD7	L ² H i V ấ n	21/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
52	3671031300	36CXD7	Nguy n Tr ng V n	10/09/1994				3.3			3.3	1.0	6.1	4.3	5.3	
53	3671031467	36CXD7	Nguy n Thanh Vi m	21/06/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
54	3671031499	36CXD7	L ² H ng V ấ O	26/01/1994				7.7			7.7	2.3	4.4	3.1	5.4	

T ng s : 54 h c sinh sinh v ấ n

Tp.HCM, ng ấ / /

Tr ng Khoa

Gi ấ o V ấ n B M ấ n

Gi ấ o V Khoa